

Số: 46 /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu Thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra Thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020.

Điều 2. Phương án điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020 được áp dụng từ tháng 7 năm 2016 và thay thế Phương án điều tra giá cước vận tải kho bãi thời kỳ 2010-2015 ban hành theo Quyết định số 520/QĐ-TCTK ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia điều tra chịu trách nhiệm tổ chức điều tra và thực hiện báo cáo giá và chỉ số giá vận tải kho bãi của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, TKG.



Nguyễn Bích Lâm

PHƯƠNG ÁN

Điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020

*(Theo Quyết định số 46/QĐ-TCTK ngày 22 tháng 02 năm 2016
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

Điều tra giá vận tải kho bãi để thu thập thông tin về giá vận tải kho bãi phục vụ tính chỉ số giá vận tải kho bãi đáp ứng các mục đích sau:

- Cung cấp thông tin về giá và chỉ số giá vận tải kho bãi cho các bộ, ngành, các nhà quản lý làm căn cứ để quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch vận chuyển hàng hóa, đi lại giữa các vùng miền.

- Cung cấp thông tin để Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Cục Thống kê) loại trừ yếu tố biến động về giá trong việc tính toán một số chỉ tiêu tổng hợp theo giá so sánh và phục vụ phân tích kinh tế. Cung cấp thông tin cho việc tính chỉ số giá sản xuất dịch vụ.

- Đáp ứng yêu cầu thông tin về giá và chỉ số giá vận tải kho bãi của doanh nghiệp, người dân và đối tượng dùng tin khác.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

2.1. Đối tượng điều tra

Các sản phẩm dịch vụ bưu chính, chuyển phát, vận tải hành khách, hàng hóa, dịch vụ kho bãi và hỗ trợ vận tải theo các đường: vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không.

2.2. Đơn vị điều tra

Doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã (HTX), cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể kinh doanh vận tải kho bãi, hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát.

Riêng ngành đường, đơn vị điều tra giá vận tải kho bãi được quy định cụ thể như sau:

- Vận tải đường sắt: các Ban quản lý ga tàu hỏa của Liên hiệp Đường sắt đóng tại các tỉnh.

- Vận tải đường hàng không: các Ban quản lý cảng hàng không, các đại lý bán

vé máy bay, các công ty thành viên của Tổng công ty hàng không.

- Vận tải đường bộ: các Ban quản lý bến xe, các doanh nghiệp, HTX, cơ sở SXKD cá thể kinh doanh vận tải đường bộ, kinh doanh kho bãi và hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Vận tải đường thủy bao gồm: các Ban quản lý bến phà, bến sông, cảng sông; các doanh nghiệp, HTX, cơ sở SXKD cá thể kinh doanh vận tải đường sông, kinh doanh kho bãi và hỗ trợ vận tải đường sông; các Ban quản lý cảng biển, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường biển, kinh doanh kho bãi và hỗ trợ vận tải đường biển.

2.3. Phạm vi điều tra

Phạm vi thu thập giá của “Ngành dịch vụ vận tải kho bãi (H)” không bao gồm “Vận tải đường ống (494)”.

Điều tra giá của 140 sản phẩm dịch vụ thuộc ngành Vận tải kho bãi tại 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn mẫu. Danh mục sản phẩm dịch vụ và Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều tra giá vận tải kho bãi được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

3. Thời điểm điều tra, thời gian thu thập số liệu

Thời điểm điều tra: ngày 05 hàng tháng.

Hoàn thiện phiếu điều tra thu thập thông tin trong 03 ngày từ ngày 05 đến ngày 07 hàng tháng.

4. Nội dung điều tra và phiếu điều tra

4.1. Nội dung điều tra

Thông tin chung của cuộc điều tra gồm: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở SXKD cá thể, địa chỉ, điện thoại, fax, email nếu có.

Thông tin về giá của cuộc điều tra gồm: Tên sản phẩm dịch vụ vận tải kho bãi; Quy cách, phẩm cấp từng loại sản phẩm dịch vụ; Đơn vị tính giá; Đơn giá điều tra.

4.2. Phiếu điều tra

Nội dung điều tra thể hiện trên các mẫu phiếu sau :

- Phiếu số 1.1/ĐTGV-VTHK, VTKB, BC: Phiếu thu thập thông tin giá vận tải hành khách, vận tải kho bãi và bưu chính chuyên phát;

- Phiếu số 1.2/ĐTGV-VTHH: Phiếu thu thập thông tin giá vận tải hàng hóa.

Phiếu điều tra in sẵn danh mục sản phẩm dịch vụ đại diện có quy cách phẩm cấp để điều tra giá. Phiếu điều tra giá được quy định tại Phụ lục 3.

5. Các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

(1) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC) 2007 ban hành theo Quyết định

số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(2) Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam (VCPA) 2010 ban hành theo Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2010/TT-BKH ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(3) Bảng danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 8/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến 30/6/2015;

(4) Danh mục Sản phẩm dịch vụ đại diện điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020;

(5) Cấu trúc chỉ số giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020.

6. Loại điều tra và phương pháp thu thập số liệu

6.1. Loại điều tra

Điều tra giá vận tải kho bãi là cuộc điều tra chọn mẫu đảm bảo đại diện 6 vùng kinh tế và đại diện các sản phẩm dịch vụ về vận tải kho bãi. Các bước thực hiện chọn mẫu điều tra như sau:

a) Chọn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện cho điều tra giá vận tải kho bãi

Tổng cục Thống kê xác định số tỉnh đại diện cho cả nước tham gia điều tra bằng cách chia các tỉnh theo 6 vùng (lập thành 6 dàn chọn mẫu). Tại mỗi vùng, căn cứ vào doanh thu ngành vận tải kho bãi từ kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2013 và điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2013, sắp xếp các tỉnh trong vùng theo độ dốc doanh thu ngành vận tải kho bãi từ cao đến thấp, chọn điểm cắt tại tỉnh có tỷ trọng doanh thu cộng dồn đạt từ 65-70% trở lên so với tổng doanh thu vận tải kho bãi của cả vùng. Kết quả có 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn vào danh sách đại diện cho điều tra giá vận tải kho bãi cả nước (Phụ lục 2).

b) Chọn đơn vị điều tra

Tại mỗi tỉnh trong 30 tỉnh đã được chọn mẫu điều tra, lập hai danh sách: doanh nghiệp kinh doanh vận tải kho bãi và cơ sở SXKD cá thể ngành vận tải kho bãi. Các danh sách doanh nghiệp và cơ sở SXKD cá thể được sắp xếp theo độ dốc doanh thu từ cao xuống thấp để chọn đơn vị điều tra như sau :

- Đối với doanh nghiệp: Mỗi sản phẩm dịch vụ chọn 2 hoặc 3 doanh nghiệp doanh thu lớn nhất dựa trên dàn mẫu điều tra hoạt động vận tải kho bãi do Vụ

Thông kê Thương Mại và Dịch vụ thực hiện theo Quyết định số 612/QĐ -TCTK ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

- Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: Mỗi sản phẩm dịch vụ, chọn 3 đến 5 cơ sở SXKD cá thể có doanh thu lớn nhất dựa trên mẫu điều tra hoạt động vận tải kho bãi của các cơ sở SXKD cá thể do Vụ Thống kê Thương Mại và Dịch vụ thực hiện theo Quyết định số 876/QĐ-TCTK ngày 27/8/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành bưu chính và chuyển phát: Mỗi nhóm sản phẩm dịch vụ chọn 3 doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất dựa trên kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2013 do Vụ Thống kê Công nghiệp thực hiện theo Quyết định số 352/QĐ-TCTK ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

c) Xây dựng, rà soát danh mục mặt hàng điều tra

- Tổng cục Thống kê lập **Danh mục Sản phẩm dịch vụ đại diện điều tra giá vận tải kho bãi của cả nước** phân theo ngành đường và phân theo loại dịch vụ vận tải. Tên sản phẩm dịch vụ trong danh mục này được chọn dựa trên “Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 2010” và những loại dịch vụ được sử dụng phổ biến trong thời kỳ hiện tại, có khả năng tồn tại tương đối ổn định, lâu dài.

- Cục Thống kê căn cứ vào danh mục sản phẩm dịch vụ đại diện điều tra giá vận tải kho bãi của cả nước và căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương chọn tối đa những loại dịch vụ có tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng thời quy định rõ quy cách phẩm cấp cho từng sản phẩm dịch vụ điều tra sao cho dễ quan sát, dễ lấy giá.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể bổ sung thêm những loại sản phẩm dịch vụ mang tính phổ biến của địa phương nhưng chưa có trong danh mục chuẩn. Mã số của loại dịch vụ mới bổ sung sẽ được căn cứ trên mã sản phẩm của Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 2010.

Sau khi chọn xong đơn vị điều tra và danh mục mặt hàng đại diện, Cục Thống kê tập hợp một bảng thông tin đơn vị điều tra (tên đơn vị, địa chỉ, điện thoại) kèm theo danh mục các sản phẩm dịch vụ điều tra tại đơn vị đó thành Mạng lưới điều tra giá vận tải kho bãi của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mạng lưới điều tra là căn cứ để Cục Thống kê phân bổ địa bàn điều tra, số đơn vị điều tra cho điều tra viên. Mạng lưới điều tra được lưu trong phần mềm nhập tin để Cục Thống kê theo dõi, quản lý, cập nhật trong suốt quá trình thực hiện phương án điều tra. Mạng lưới điều tra của tỉnh, thành phố phải gửi về Tổng cục Thống kê theo quy định.

6.2. Lập bảng giá kỳ gốc 2015

Sau khi xây dựng Danh mục sản phẩm dịch vụ đại diện của tỉnh, thành phố (gọi tắt là Danh mục sản phẩm), Cục Thống kê tiến hành lập bảng giá kỳ gốc 2015 theo các bước sau:

- Điều tra giá gốc hàng quý đối với các mặt hàng, dịch vụ mới cho thời kỳ 2015-2020. Giá kỳ gốc 2015 là giá bình quân 4 quý của từng loại dịch vụ. Giá kỳ gốc 2015 đối với các mặt hàng, dịch vụ được thực hiện theo Công văn số 967/TCTK-TKG ngày 10 tháng 12 năm 2014 về việc rà soát Danh mục mặt hàng, xây dựng mạng lưới và điều tra giá gốc của giá vận tải kho bãi, giá dịch vụ, giá xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2015 - 2020.

- Giá kỳ gốc 2015 của mỗi loại dịch vụ được tính bằng phương pháp bình quân nhân gián đơn giá của 4 quý trong năm 2015.

6.3. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra giá vận tải kho bãi sử dụng 2 phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp và thu thập gián tiếp.

(1) Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Điều tra viên trực tiếp phỏng vấn người cung cấp dịch vụ để thu thập số liệu theo mẫu phiếu điều tra. Điều tra viên có thể thu thập giá theo các bảng niêm yết giá sau đó ghi vào phiếu điều tra. Đối với giá các loại dịch vụ đã bao gồm thuế VAT mà điều tra viên chưa thể loại trừ thuế ngay thì điều tra viên phải ghi vào cột ghi chú là giá đã bao gồm thuế VAT. Khi nhập tin, chương trình sẽ tự quy đổi về giá không bao gồm thuế VAT.

(2) Phương pháp thu thập gián tiếp

Một là, Cục Thống kê tổ chức hội nghị mời đại diện doanh nghiệp, HTX đến để phát phiếu điều tra, hướng dẫn phương pháp, nội dung ghi phiếu và gửi báo cáo về Cục Thống kê qua đường công văn, fax (bản cứng) hoặc email (bản mềm).

Hai là, điều tra viên đến từng đơn vị điều tra để hướng dẫn cách ghi phiếu và quy định cụ thể về nơi gửi, hình thức và thời gian gửi. Sau đó, doanh nghiệp, HTX tự ghi giá vào phiếu và báo cáo về Cục Thống kê qua đường công văn, fax (bản cứng) hoặc email (bản mềm).

7. Phương pháp xử lý thông tin, biểu đầu ra và công bố kết quả

7.1. Phương pháp xử lý thông tin

a) Xây dựng quyền số giá vận tải kho bãi

Quyền số tính chỉ số giá vận tải kho bãi là tỷ trọng (tính bằng %) về doanh thu dịch vụ của các nhóm dịch vụ trên tổng doanh thu của ngành vận tải kho bãi tương ứng, quyền số giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020 được tính dựa trên doanh thu ngành vận tải kho bãi năm 2014 và áp chỉ số để tính toán cho năm 2015. Quyền số của chỉ số giá vận tải kho bãi được sử dụng cố định khoảng 5 năm.

Doanh thu vận tải kho bãi được tổng hợp từ doanh thu vận tải kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải được thu thập từ 2 cuộc điều tra: Điều tra doanh nghiệp và Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2014 của Tổng cục Thống kê.

Quyền số giá vận tải kho bãi phục vụ tính chỉ số giá vận tải kho bãi gồm quyền số dọc và quyền số ngang:

- Quyền số dọc: là tỷ trọng doanh thu từng nhóm vận tải kho bãi trên tổng doanh thu vận tải kho bãi. Quyền số dọc được tính cho các tỉnh, vùng và cả nước.

- Quyền số ngang: là tỷ trọng doanh thu của từng nhóm vận tải kho bãi của các tỉnh trên tổng doanh thu của nhóm vận tải kho bãi đó của cả nước.

Tổng cục Thống kê tính quyền số cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 6 vùng kinh tế và cả nước. Bảng số liệu về quyền số sẽ được gửi đến từng Cục Thống kê để phục vụ tính chỉ số giá vận tải kho bãi tại các địa phương.

b) Xây dựng cấu trúc của chỉ số giá vận tải kho bãi

Chỉ số giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020 có cấu trúc như sau:

Nhóm cấp 1, bao gồm:

- Dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Dịch vụ vận tải hàng không;
- Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Bưu chính và chuyển phát;

Nhóm cấp 2 có 11 nhóm; nhóm cấp 3 có 18 nhóm; nhóm cấp 4 có 29 nhóm được phản ánh chi tiết tại Phụ lục 1.

c) Kiểm tra, nghiệm thu và nhập tin phiếu điều tra

Cục Thống kê thực hiện kiểm tra và nghiệm thu phiếu điều tra theo những nội dung sau:

- Kiểm tra giá thu thập được là giá cơ bản của nhà cung cấp dịch vụ (không bao gồm thuế VAT);

- Đơn vị tính của các loại dịch vụ phải đúng với quy định của danh mục chuẩn;

- Kiểm tra kỹ số liệu, các ghi chú trong phiếu điều tra, xử lý đối với các trường hợp bất thường phát sinh trong báo cáo. Phương pháp xử lý một số trường hợp bất thường xảy ra trong điều tra và tính chỉ số giá vận tải kho bãi được quy định chi tiết trong Phụ lục 4;

- Phiếu điều tra tháng nào cần kiểm tra, nghiệm thu và nhập tin ngay cho tháng đó;

- Cục Thống kê chịu trách nhiệm nhập tin hoặc giao cho các Chi cục Thống kê quận, huyện nhập tin số liệu.

d) Công thức áp dụng tính chỉ số giá vận tải kho bãi

Áp dụng công thức Laspeyres bình quân nhân để tính chỉ số giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020 có dạng tổng quát như sau:

$$I^{t \rightarrow 0} = \prod_{i=1}^n \left(\frac{p_i^t}{p_i^0} \right)^{w_i^0} = \frac{\prod_{i=1}^n (p_i^t)^{w_i^0}}{\prod_{i=1}^n (p_i^0)^{w_i^0}}$$

Trong đó:

$I^{t \rightarrow 0}$ là chỉ số giá kỳ báo cáo t so với kỳ gốc cố định 0;

p_i^t là giá kỳ báo cáo t;

p_i^0 là giá kỳ gốc 0;

n là số mặt hàng;

$w_i^0 = \frac{p_i^0 q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0}$ là quyền số cố định kỳ gốc 0.

7.2. Hệ thống báo cáo và biểu đầu ra

a) Biểu đầu ra về giá và chỉ số giá

(1) Đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở những thông tin thu thập từ các đơn vị điều tra được các Cục Thống kê xử lý, tổng hợp theo chương trình phần mềm thống nhất toàn quốc. Kết quả đầu ra được tổng hợp theo các biểu sau đây:

- Biểu 2.1/TKG-VT: Giá vận tải kho bãi tháng;

- Biểu 3.1/CSG-VT: Chỉ số giá vận tải kho bãi tháng;

- Biểu 3.2/CSG-VT: Chỉ số giá vận tải kho bãi quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.

(2) Đối với cấp Trung ương

- Biểu 4.1/CSG-VT: Chỉ số giá vận tải kho bãi tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.

b) Thời gian gửi báo cáo và công bố chỉ số giá.

Thời gian gửi báo cáo giá vận tải kho bãi về Tổng cục Thống kê được quy định như sau:

- Báo cáo giá và chỉ số giá hàng tháng gửi ngày 10 tháng báo cáo qua đường truyền mạng của Tổng cục.

- Báo cáo chỉ số giá quý gửi ngày 10 tháng cuối quý báo cáo qua đường truyền mạng của Tổng cục.

Chỉ số giá vận tải kho bãi quý được công bố vào ngày 24 tháng cuối quý theo các tiêu thức sau:

- Chỉ số giá chung và chỉ số giá nhóm cấp 1;

- Theo các gốc so sánh:

+ Chỉ số giá quý theo các gốc so sánh: năm gốc 2015, cùng kỳ năm trước, quý trước;

+ Chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng, năm công bố theo các gốc so sánh: kỳ gốc năm 2015 và cùng kỳ năm trước.

8. Kế hoạch thực hiện

8.1. Tại cấp Trung ương

a) Biên soạn phương án điều tra, xây dựng phần mềm

Nghiên cứu, biên soạn dự thảo phương án điều tra: Xây dựng danh mục các loại giá vận tải kho bãi đại diện cả nước, xây dựng các bảng quyền số giá vận tải kho bãi thiết kế mẫu biểu báo cáo, phiếu điều tra, hội thảo, trình duyệt phương án, ra quyết định điều tra, in tài liệu điều tra.

Thiết kế chương trình phần mềm nhập tin, tính toán tổng hợp kết quả điều tra từ cấp tỉnh đến cấp Trung ương.

b) Tập huấn nghiệp vụ

Tổng cục Thống kê tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra cấp Trung ương trước tháng 6 năm 2016. Nội dung tập huấn về phương pháp thu thập giá, xử lý thông tin tại địa bàn điều tra, phương pháp tính chỉ số giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015 - 2020 và cách sử dụng phần mềm nhập tin, tổng hợp báo cáo và chỉ số giá vận tải kho bãi hàng kỳ.

c) Triển khai thu thập thông tin và tính chỉ số giá

Tổ chức triển khai thu thập thông tin và tính chỉ số giá theo Phương án điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015 - 2020 từ tháng 7 năm 2016; tiếp nhận báo cáo từ địa phương; kiểm tra, tổng hợp và công bố số liệu.

8.2. Tại cấp tỉnh

a) Bước chuẩn bị

Cục Thống kê thực hiện các việc: Hoàn thiện Danh mục mặt hàng đại diện của địa phương; Rà soát và hoàn thiện mạng lưới điều tra giá tại địa phương; Điều tra giá gốc trong năm 2015; Tổng hợp giá gốc năm 2015.

b) Tập huấn nghiệp vụ cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các giám sát viên, điều tra viên trước tháng 6 năm 2016. Nội dung tập huấn cần nêu rõ các khái niệm, phương pháp thu thập thông tin, kỹ năng ghi chép thông tin vào phiếu điều tra.

c) Tiến hành điều tra thu thập giá, tổng hợp chỉ số giá vận tải kho bãi

Cục Thống kê tổ chức điều tra giá vận tải kho bãi và tổng hợp chỉ số giá vận tải kho bãi giai đoạn 2015-2020 của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ tháng 7 năm 2016.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Cấp Trung ương

(1) Vụ Thống kê Giá chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xây dựng Phương án, phiếu điều tra và các văn bản liên quan; tổ chức tập huấn; chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổng hợp, phân tích kết quả điều tra;

(2) Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ phối hợp với Vụ Thống kê Giá tính quyền số chỉ số giá vận tải kho bãi theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo 6 vùng kinh tế và cả nước.

(3) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Giá, Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận xây dựng kế hoạch xử lý thông tin của cuộc điều tra theo Kế hoạch công nghệ thông tin hàng năm của Tổng cục Thống kê;

(4) Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận phối hợp với Vụ Thống kê Giá thiết kế phần mềm xử lý, nhập tin, tổng hợp chỉ số giá vận tải kho bãi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vùng và cả nước;

(5) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Giá dự toán kinh phí hàng năm cho cuộc điều tra; hướng dẫn định mức chi tiêu; cấp phát kinh phí; hướng dẫn các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí được cấp hiệu quả;

(6) Văn phòng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm in, phân phối các tài liệu phục vụ tập huấn các cấp;

(7) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê phối hợp với Vụ Thống kê Giá tiến

hành kiểm tra, giám sát cuộc điều tra tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đúng quy định, đồng thời hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra để các Cục Thống kê tổ chức kiểm tra, thanh tra thực hiện Phương án điều tra.

9.2. Cấp tỉnh

Cục trưởng Cục Thống kê trực tiếp chỉ đạo Phòng Thống kê Thương mại chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn cho điều tra viên; triển khai thực hiện điều tra thu thập giá; kiểm tra và thanh tra; xử lý kết quả điều tra, tổng hợp, phân tích và gửi báo cáo về Tổng cục theo thời gian quy định;

Điều tra viên chịu trách nhiệm về thời gian và độ chính xác của thông tin ghi trên phiếu điều tra. Điều tra viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn nghiệp vụ do Cục Thống kê tổ chức, nắm vững nghiệp vụ điều tra, thực hiện thu thập giá trực tiếp. Đối với điều tra gián tiếp, điều tra viên đến đơn vị điều tra hướng dẫn ghi phiếu; thống nhất cách ghi phiếu, địa chỉ, cách thức và thời gian nộp phiếu điều tra.

10. Kinh phí

Kinh phí cấp cho cuộc điều tra giá vận tải kho bãi giai đoạn 2015-2020 từ nguồn ngân sách Nhà nước và được Tổng cục Thống kê phân bổ cho các Cục Thống kê hàng năm.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê và Cục trưởng Cục Thống kê có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê một cách hiệu quả, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra theo Phương án./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Bích Lâm